

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02-02-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đảm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thống

2. Ông Võ Văn Ty

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Liêm – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1990 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực P, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N2, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 28/9/2017, Bản tự khai và Biên bản ghi lời khai ngày 23/10/2017, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Sau khi chị (Nguyễn Thị Mỹ H) và anh Nguyễn Thành T tìm hiểu nhau khoảng hai tháng, chị và anh T tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2010 nhưng đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống chung nhà với cha mẹ chồng tại thôn N2, xã N.

Cuộc sống vợ chồng ngay từ thời gian đầu chung sống đã không hạnh phúc. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Có lúc vợ chồng chị đánh nhau, chị trở về nhà cha mẹ ruột của chị ở khu vực P, N1 sinh sống. Sau mỗi lần như thế anh T có bảo chị quay về nhà cha mẹ chồng để tiếp tục sống chung. Mâu thuẫn vợ chồng tiếp diễn đến khoảng tháng 11/2016 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị ở cho đến nay. Vợ chồng chị không còn liên lạc với nhau nữa. Chị xét thấy không còn tình cảm với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con trai chung tên: Nguyễn Minh H1, sinh ngày: 15/01/2011. Hiện nay cháu H1 đang sống với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Anh Nguyễn Thành T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ H đối với anh Nguyễn Thành T. Về con chung: tiếp tục giao cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 15/01/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh T vì chị H không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, miễn xét. Về án phí: chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Chị Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu giải quyết ly hôn và con chung với anh Nguyễn Thành T ở thôn N2, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A.

Anh Nguyễn Thành T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Thành T đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T được pháp luật công nhận.

Ngay từ thời gian đầu chung sống, giữa chị H và anh T thường xảy ra mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt nghiêm trọng. Chị H xác định nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do giữa chị và anh T không cùng quan điểm sống. Đồng thời, anh T không có trách nhiệm đối với gia đình vợ con.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: chị H và anh T trước khi cưới chỉ tìm hiểu nhau khoảng hai tháng nên vợ chồng chưa thực sự hiểu nhau và sẵn sàng cho cuộc hôn nhân bền vững. Vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau làm cho bầu không khí gia đình trở nên căng thẳng. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng khiến chị H trở về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 11/2016 đến nay. Giữa chị H và anh T đã tự cắt đứt liên lạc với nhau, không quan tâm và có trách nhiệm với nhau. Mặc dù anh T biết chị H yêu cầu ly hôn nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không tha thiết đoàn tụ để xây dựng lại mái ấm gia đình. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Chị H và anh T có 01 người con trai chung là Nguyễn Minh H1, sinh ngày: 15/01/2011. Hiện nay cháu H1 đang được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu H1 còn nhỏ, mọi sinh hoạt hàng ngày của cháu rất cần bàn tay chăm sóc chu đáo của người mẹ. Hơn nữa, cháu H1 có nguyện vọng được ở với mẹ khi chị H và anh T ly hôn. Do đó, việc giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục sau ly hôn là bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu H1, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên yêu cầu của chị H là có cơ sở để chấp nhận. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh T.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không tranh chấp nên miễn xét.

[2.4] Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Về ý kiến của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ H đối với anh Nguyễn Thành T.

2. Về con chung:

Chị H và anh T có 01 người con trai chung là Nguyễn Minh H1, sinh ngày 15/01/2011, hiện đang ở với chị H. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Minh H1 cho chị Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh T vì chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không tranh chấp nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002911 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Thành T có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND xã N;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Đảm